TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

Bản án số: 35/2022/DS-ST
Ngày: 20 - 4 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN *HUYỆN C*, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Hoàng

2. Bà Nguyễn Xuân Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2021/TLST, ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ 12, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

* Bị đơn: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Thế V; cùng trú tại: Tổ 3, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh;

Các bên vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Phạm Thị L trình bày:*

Do chòm xóm quen biết nên Bà L có tham gia chơi hụi do Bà H làm chủ hụi như sau:

Hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, khui ngày 10-12-2015 âm lịch nhằm ngày 19-01-2016 dương lịch, hụi gồm 33 phần, Bà L tham gia 01 phần, đóng được 30 kỳ thì Bà H tuyên bố bể hụi, không giao hụi. Bà L đã đóng hụi vốn là 104.650.000 đồng, lãi thỏa thuận 45.350.000 đồng.

Hụi 5.000.000 đồng, 20 ngày khui một lần, khui ngày 25-3-2017 âm lịch nhằm ngày 21-4-2017 dương lịch, hụi gồm 45 phần, Bà L tham gia 01 phần, đóng được 21 kỳ thì Bà H tuyên bố bể hụi không giao hụi. Bà L đã đóng hụi vốn là 73.330.000 đồng, lãi thỏa thuận là 31.670.000 đồng.

Ngày 03-5-2018 âm lịch là ngày 16-6-2018 dương lịch, hai bên gút nợ tổng số tiền vốn Bà L đóng hụi cho Bà H là 174.680.000 đồng, lãi thỏa thuận là 80.320.000 đồng. Khấu trừ số tiền bản án tuyên Bà H phải trả là 34.500.000 đồng, số tiền Bà H, ông V còn nợ lại bà là 220.500.000 đồng.

Bà L khởi kiện yêu cầu ông V, Bà H có trách nhiệm trả cho bà số tiền 220.500.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật.

** Theo bị đơn ông Nguyễn Thế V, Võ Thị Thu H trình bày:*

Bà H thống nhất với dây hụi Bà L tham gia do bà làm chủ hụi. Số tiền gút trong giấy nợ hụi là do bà viết và hai bên thỏa thuận lãi, do bà đang chấp hành án nên không có khả năng trả lãi cho Bà L, bà xin không tính lãi chỉ đồng ý trả vốn còn lại là 140.180.000 đồng. Số tiền này không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Thế V, ông V không biết việc bà làm, Bà H không đồng ý Bà L yêu cầu ông V cùng trả số tiền trên.

Ông V trình bày, việc Bà H vợ ông chơi hụi cùng các hụi viên ông không biết. Tại thời điểm đó ông đi làm cho 02 công ty là bảo hiểm và bưu điện Châu Thành, thu nhập mỗi tháng của ông là 40.000.000 đồng đủ trang trải trong gia đình nên việc làm của vợ ông không nhằm mục đích lo cho gia đình, khi nhiều người đến nhà ông đòi nợ thì ông mới biết nên ông không đồng ý trả số nợ trên cho Bà L.

Tại Toà vị Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng có căn cứ theo quy định của pháp luật về việc tống đạt cho các đương sự cũng như xác định tư cách tham gia tố tụng và trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 468, 469 và 471 Bộ luật Dân sự; Điều 13, 16, 18 và 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị L, buộc bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thế V cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi vốn là 140.180.000 đồng và tiền lãi của số tiền hụi theo quy định.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các bên đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt tại tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thế V và Bà Võ Thị Thu H trả số tiền 220.500.000 (hai trăm hai mươi triệu năm trăm ngàn) đồng, trong đó: Tiền hụi gốc 140.180.000 đồng; tiền lãi thỏa thuận là 80.320.000 đồng và tiếp tục tính lãi theo quy định đến ngày xét xử.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các khoản nợ hụi giữa Bà Phạm Thị L và Bà Võ Thị Thu H là chủ hụi đã thống nhất về thời gian mở hụi, bể hụi, giấy gút nợ hụi do Bà H viết cho Bà L, lời trình bày của Bà H là các chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2.1] Đối với số tiền nợ hụi trên Bà H thống nhất với Bà L theo biên nhận nợ do bà viết cho Bà L, tổng số tiền hụi vốn Bà L đã đóng cho các dây hụi là 174.680.000 đồng, khấu trừ bản án Hình sự Bà L đã nhận 34.500.000 đồng, còn nợ lại 140.180.000 đồng. Hụi bể nên Bà L yêu cầu trả số nợ hụi vốn, Bà H đồng ý trả số tiền nợ hụi vốn này cho Bà L là phù hợp theo quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với chứng cứ Bà L khởi kiện trong vụ án là giấy gút nợ hụi và lãi là phô tô, không có bản chính vì bản chính đã nộp trong hồ sơ Hình sự xét xử Bà H. Tòa án đã sao lục giấy nợ từ hồ sơ của Tòa án và Bà H cũng thừa nhận giấy nợ là do bà viết gút nợ và chưa trả số tiền Bà L kiện trên, Bà H cũng đồng ý trả số tiền Bà L kiện nên chứng cứ Bà L khởi kiện là phù hợp.

[2.2] Đối với yêu cầu của Bà L buộc vợ chồng ông Nguyễn Thế V và Bà Võ Thị Thu H cùng có nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc Bà H làm chủ hụi và mở nhiều dây hụi trong một thời gian dài với nhiều sổ sách tính toán, mỗi khi khui hụi thì có nhiều người đến nhà, cũng như việc Bà H đi gom hụi hàng ngày. Trong khi ông V và Bà H là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân sống chung nhà, thu nhập hàng tháng của Bà H cũng là cùng ông V lo cho cuộc sống gia đình, cuộc sống chung. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với Bà H tại tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thì ông V cũng có cam kết bán toàn bộ tài sản chung của vợ chồng để trả cho tất cả bà con tham gia hụi còn nợ, một số giấy nợ của những người tham gia hụi của Bà H thì ông V có ký xác nhận nợ đồng ý trả nợ thay cho Bà H nên cần buộc vợ chồng ông V, Bà H cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà Thủy là phù hợp.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà L đối với số tiền nợ hụi của Bà H và ông V là phù hợp.

[2.3]. Xét yêu cầu tính lãi của Bà L đối với số tiền nợ hụi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên khi gút số tiền nợ hụi trong giấy nợ không thỏa thuận lãi suất cụ thể là bao nhiêu, chỉ ghi lãi đồng ý trả là 80.320.000 đồng, lãi này phù hợp không quá mức quy định 20%/năm của số tiền gốc là 140.180.000 đồng tính đến ngày xét xử nên chấp nhận số tiền lãi trên. Bà H xin không đóng lãi vì đang chấp hành án không có khả năng trả lãi nhưng Bà L không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận cho lời trình bày của Bà H về phần lãi.

Như vậy, Bà H, ông V phải trả tổng số tiền vốn và lãi cho Bà L tính đến ngày xét xử là 140.180.000 đồng tiền nợ hụi + 80.320.000 đồng tiền lãi thành 220.500.000 (hai trăm hai mươi triệu năm trăm ngàn) đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông V và Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với Quyết định số 12/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là phần đất tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh vẫn tiếp tục có hiệu lực đến khi có quyết định khác thay thế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 468, 469 và 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị L về tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với Bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thế V.

Buộc Bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thế V cùng có trách nhiệm trả cho Bà Phạm Thị L tổng số tiền nợ hụi là 220.500.000 (hai trăm hai mươi triệu năm trăm ngàn) đồng. Trong đó tiền nợ hụi vốn là 140.180.000 đồng; lãi 80.320.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Quyết định số:12/2022/QĐ-BPKCTT ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là phần đất tọa lạc tại ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh vẫn tiếp tục có hiệu lực đến khi có quyết định khác thay thế.

2/ Về án phí:

Bà H, ông V phải chịu 11.025.000 đồng (mười một triệu không trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Bà L không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Đương sự;
-Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- THA Dân sự huyện C
-Lưu hồ sơ;
-Lưu tập án.

Cái Thị Minh Tâm